

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

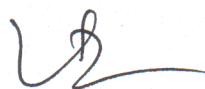
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý II - Năm 2011

Đơn vị tính: VND

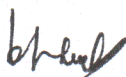
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II Năm nay	Quý II Năm trước	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	555.306.912.917	319.754.348.795	994.050.442.858	639.847.801.316
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	(9.011.904)	0	8.838.096	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	555.315.924.821	319.754.348.795	994.041.604.762	639.847.801.316
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	392.483.881.034	201.650.866.407	681.295.406.357	406.892.152.281
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		162.832.043.787	118.103.482.388	312.746.198.405	232.955.649.035
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.564.245.007	25.519.594.938	21.167.710.933	31.640.790.492
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	16.928.250.751	10.272.893.514	22.659.854.761	14.643.457.298
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7.315.167.092	4.321.212.644	11.682.967.452	6.806.746.817
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	7.261.766.809	4.695.202.826	12.272.283.230	10.656.535.168
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	25.468.236.066	22.124.994.336	52.740.344.336	41.481.528.351
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		118.738.035.168	106.529.986.650	246.241.427.011	197.814.918.710
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.312.812.561	6.452.933	1.371.249.103	160.651.001
12. Chi phí khác	32	VI.8	435.248.056	(124.535.737)	654.150.425	(61.285.771)
13. Lợi nhuận khác	40		877.564.505	130.988.670	717.098.678	221.936.772
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong Công ty liên kết	41		1.103.606.274	(306.451.441)	169.172.020	(742.212.772)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		120.719.205.947	106.354.523.879	247.127.697.709	197.294.642.710
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		26.642.540.488	23.259.133.232	59.947.613.330	46.069.891.580
17. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		2.260.826.519	-	116.790.119	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		91.815.838.940	83.095.390.647	187.063.294.260	151.224.751.130
19. Lợi ích cổ đông thiểu số	70		370.595.899	326.756.567	537.971.341	474.823.081
20. Lợi ích của Công ty	80		91.445.243.041	82.768.634.080	186.525.322.919	150.749.928.049

Người lập biểu



Đỗ Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Lập ngày 10 tháng 08 năm 2011

Tổng Giám đốc



Lê Văn Thanh